

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH SƠN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày 03/3/2021

V/v ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đô.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Quốc Thìn;
2. Bà Phạm Thị Lan.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Ph, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn C, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Bùi Thị Ph (sau đây viết tắt là bà Ph) trình bày:*

Bà và ông Nguyễn C (sau đây viết tắt là ông C) tìm hiểu, yêu thương, tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và chung sống như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, giữa bà và ông C xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C thường xuyên uống rượu, có những lời nói xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và đánh đập bà, mặc dù bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông C không thay đổi. Từ năm 2011, bà và ông C không còn chung sống, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Vì tình cảm không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu được ly hôn ông C.

Về con chung: Bà và ông C có 03 (ba) con chung là anh Nguyễn Hồng Ph1, sinh năm 1991, chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1996 và cháu Nguyễn Thị Ngọc Ch, sinh ngày 12/6/2006. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu Ch và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi; đối với các anh chị Ph1, Th đã thành niên nên bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không.

*\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bà Ph và ông C là không phải là vợ chồng; giao con chung là cháu Ch cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi; buộc bà Ph và ông C chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Nguyên đơn là bà Ph vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là ông C vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông C không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ và không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử. Căn cứ vào Điều 91 và Điều 94 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà Ph, văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân các xã Bình Long, Bình Trung và kết quả xác minh của Tòa án, có đủ cơ sở xác định bà Ph và ông C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ph và ông C.

[2.2] Về con chung: Bà Ph và ông C có 03 (ba) con chung là anh Nguyễn Hồng Ph1, sinh năm 1991, chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1996 và cháu Nguyễn Thị Ngọc Ch, sinh ngày 12/6/2006. Xét thấy, hiện nay cháu Ch đang sinh sống ổn định cùng với bà Ph, có nguyện vọng tiếp tục chung sống với bà Ph nên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu Ch và căn cứ Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Ch cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với con chung là các anh chị Nguyễn Hồng Ph1, Nguyễn Thị Th hiện nay đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; vì vậy, C buộc ông C cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Ch mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tính từ tháng 3/2021 cho đến

khi cháu Ch đủ 18 tuổi là phù hợp với khả năng thực tế của ông C và nhu cầu thiết yếu của cháu Ch.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Bà Ph và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ph và ông C mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, 150, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị Ph và ông Nguyễn C.

2. Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Ch, sinh ngày 12/6/2006 cho bà Nguyễn Thị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Buộc ông Nguyễn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Thị Ngọc Ch mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng); thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 3/2021 cho đến khi cháu Nguyễn Thị Ngọc Ch đủ 18 tuổi.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi

hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Ph đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000903 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Nguyễn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Long;
- UBND xã Bình Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Đô**